

Số: 10/2022/QĐST-HNGĐ

P, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 114/2021/TLST-HNGĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thủy**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện P, tỉnh T.

- Bị đơn: **Anh Lê Quang Long**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện P, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà thành ngày 12 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quang L

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con Lê Quang H, sinh ngày 25/3/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh L cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng để nuôi con chung. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Lê Quang H trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh L chưa thanh toán thì hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại điều

357 và điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quang L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quang L đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh L mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn; anh L phải chịu 150.000 án phí cấp dưỡng nhưng chị T tự nguyện chịu toàn bộ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Thủy đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001575 ngày 29/12/2021.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành bản án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện P.
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P (NĐKKH 12/02/20214)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Vân